

Bản án số: 585/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 12 - 2021

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ngọc

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Hồng Bảo Noàng Phi Yên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1123/2020/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2021/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng Bảo N, sinh năm 1997

Địa chỉ: 01 Đường Z, Phường X, quận Y, Tp. Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Đàm Tá D, Sinh năm 1994

Địa chỉ: 01 Đường Z, Phường X, quận Y, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 10/12/2020 cùng lời trình bày tại bản tự khai ngày 15/01/2020 của nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng Bảo N, thì bà và ông D tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do áp lực trong gia đình. Bà N và ông D đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2020 đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đàm Tá D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đàm Tuấn K, sinh ngày 23/01/2019 và Đàm Thụy Nhã V, sinh ngày 09/9/2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tự khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông D không đến để tự khai, hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Bị đơn - ông Đàm Tá D vắng mặt.

Nguyên đơn - bà Nguyễn Hồng Bảo N trình bày: Bà N và ông D tự nguyện kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2019. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp, ông D nợ tiền của nhiều người dẫn đến mất hạnh phúc. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đàm Tuấn K, sinh ngày 23/01/2019 và Đàm Thụy Nhã V, sinh ngày 09/9/2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Từ khi sinh hai con đến nay, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, ông D không đóng góp và cũng không có trách nhiệm gì với con. Hiện nay bà sống chung cùng cha mẹ tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, nên việc chăm sóc và nuôi dưỡng con còn có sự hỗ trợ của cha mẹ bà.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hồng Bảo N đối với ông Đàm Tá D.

Về con chung: Chấp nhận để bà Nguyễn Hồng Bảo N được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đàm Tuấn K, sinh ngày 23/01/2019 và Đàm Thụy Nhã V, sinh ngày 09/9/2020. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông D, do bà N không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 10/12/2020 của bà Nguyễn Hồng Bảo N; kết quả xác minh nơi cư trú của Công an Phường 13, quận Tân Bình thể hiện ông Đàm Tá D có hộ khẩu thường trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ: 01 đường Z, Phường Y, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành niêm yết cho ông D: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất ngày 18/11/2021, lần thứ hai ngày 15/12/2021, nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 01, do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/03/2019 thì quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D là hợp pháp. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông D vì quá trình chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa, bà N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông D, vì không thể hàn gắn. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, ông D không đến Tòa án để tự khai, hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc bà N xin ly hôn, chứng tỏ ông D không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét lời trình bày của bà N là được ly hôn với ông D, do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và tại phiên tòa bà N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông D là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N là được ly hôn với ông D.

[4] Về con chung: Theo lời trình bày của bà N và bản sao giấy khai sinh của con chung do bà N cung cấp cho Tòa án, thì quá trình chung sống bà N và ông D có 02 con chung là trẻ Đàm Tuấn K, sinh ngày 23/01/2019 và Đàm Thụy Nhã V, sinh ngày 09/9/2020 hiện đang ở với bà N. Nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Hơn nữa, trẻ K và trẻ V còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, việc giao trẻ K và trẻ V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và sự phát triển của trẻ, nên chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án ghi nhận ý kiến của bà N. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông D.

[5] Về tài sản chung: Theo lời trình bày của bà N thì quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; các điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 2, 6, 7, 9, 26, 30, 31 và 32 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hồng Bảo N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Bảo N được ly hôn với ông Đàm Tá D.

- Về con chung: Bà Nguyễn Hồng Bảo N được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đàm Tuấn K, sinh ngày 23/01/2019 và Đàm Thụy Nhã V, sinh ngày 09/9/2020. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông D, do bà N không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không Được tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu tới việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng Bảo N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006---- ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ .

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Quang